Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 5212.25.10

Mã HS	5212.25.10
Mô tả hàng hóa	Vải dệt thoi khác từ bông / - Định lượng trên 200 g/m2: / - - Đã in: / - - - Được in bằng phương pháp batik truyền thống (SEN)
Đơn vị	kg/m/m2
Thời điểm tạo	09/11/2026 03:35:38
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/52122510/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	18	18%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K8243
Thuế NK ưu đãi (MFN)	12	12%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N8243
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q8243
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	6.9	6,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E7848
ATIGA	2022	2022	0	AT!E7801
ATIGA	2023	2023	0	AT!F7801
ATIGA	2024	2024	0	AT!G7801
ATIGA	2025	2025	0	AT!H7801
ATIGA	2026	2026	0	AT!I7801
ATIGA	2027	2027	0	AT!J7801
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E7851
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F7851

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G7851
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H7851
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I7851
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J7851
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E7852
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F7852
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G7852
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H7852
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I7852
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J7852
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F7853
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H7807
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F7815
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G7815
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H7815
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I7815
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J7815
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K7815
VKFTA	2022	2022	0	VK!E7837
VKFTA	2023	2023	0	VK!F7837
VKFTA	2024	2024	0	VK!G7837
VKFTA	2025	2025	0	VK!H7837
VKFTA	2026	2026	0	VK!I7837
VKFTA	2027	2027	0	VK!J7837
VCFTA	2022	2022	2	VC!D7883
VCFTA	2023	2023	1	VC!E7883

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F7883
VCFTA	2025	2025	0	VC!G7883
VCFTA	2026	2026	0	VC!H7883
VCFTA	2027	2027	0	VC!I7883
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D7863
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E7863
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F7863
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G7863
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H7863
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I7863
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D7876
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E7876
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F7876
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G7876
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H7876
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I7876
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D7880
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E7880
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F7880
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G7880
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H7880
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I7880
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D7881
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E7881
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F7881
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G7881

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H7881
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I7881
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D7831
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E7831
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F7831
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G7831
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H7831
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I7831
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J7831
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D7868
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E7868
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F7868
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G7868
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H7868
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I7868
RCEP B	2022	2022	0	B!D7868
RCEP B	2023	2023	0	B!E7868
RCEP B	2024	2024	0	B!F7868
RCEP B	2025	2025	0	B!G7868
RCEP B	2026	2026	0	B!H7868
RCEP B	2027	2027	0	B!I7868
RCEP C	2022	2022	0	C!D7868
RCEP C	2023	2023	0	C!E7868
RCEP C	2024	2024	0	C!F7868
RCEP C	2025	2025	0	C!G7868
RCEP C	2026	2026	0	C!H7868

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I7868
RCEP D	2022	2022	0	D!D7868
RCEP D	2023	2023	0	D!E7868
RCEP D	2024	2024	0	D!F7868
RCEP D	2025	2025	0	D!G7868
RCEP D	2026	2026	0	D!H7868
RCEP D	2027	2027	0	D!I7868
RCEP E	2022	2022	0	E!D7871
RCEP E	2023	2023	0	E!E7871
RCEP E	2024	2024	0	E!F7871
RCEP E	2025	2025	0	E!G7871
RCEP E	2026	2026	0	E!H7871
RCEP E	2027	2027	0	E!I7871
RCEP F	2022	2022	0	F!D7868
RCEP F	2023	2023	0	F!E7868
RCEP F	2024	2024	0	F!F7868
RCEP F	2025	2025	0	F!G7868
RCEP F	2026	2026	0	F!H7868
RCEP F	2027	2027	0	F!I7868
VIFTA	2024	2024	10.3	VI!F7268
VIFTA	2025	2025	8.6	VI!G7268
VIFTA	2026	2026	6.9	VI!H7268
VIFTA	2027	2027	5.1	VI!I7268

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 5212.25 có 2 dòng thuế; dòng 5212.25.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Được in bằng phương pháp batik truyền thống (SEN).	5212.25.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 5212.25.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 12% của mã 5212.25.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N8243), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.